

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày 22 tháng 12 năm 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đồi

Bà Võ Thị Phương

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:*** Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Động Văn D**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 105 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Ngọc Đ**, sinh năm 1990, địa chỉ: 171/37 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Thanh N**, sinh năm: 1981

Nơi ĐKKHKT: 03 đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, tạm trú: số 89 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Doãn H**, sinh năm: 1983 và bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm: 1996, cùng địa chỉ: số 05 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1979, nơi ĐKKHKT: số 03 đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, tạm trú: số 89 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Động Văn D** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết giữa vợ chồng ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hoàng Thị Thanh N** với gia đình ông **Động Văn D** nên vào khoản tháng 6/2019 biết bà **Hoàng Thị Thanh N** có nhu cầu mượn tiền, ông **Động Văn D** đã tin tưởng đi vay tiền bạn bè, người thân của ông cho bà **N** mượn số tiền 2.400.000.000 đồng, đã chuyển tiền cho bà **N**. Hợp đồng vay tiền không tính lãi. bà **N** hẹn 7 ngày sau sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó bà **N** không thực hiện cam kết mặc dù ông **D** đã nhiều lần nhắc nhở. ông **D** tác động từ nhiều phía thì bà **N** và gia đình bà đã thanh toán cho ông **D** số tiền 600.000.000 đồng. Trước kia hai bên không lập hợp đồng vay tiền nên để yên tâm vào tháng 11/2019 bà **N** đã viết giấy mượn của ông **D** số tiền còn lại chưa trả là 1.800.000.000 đồng, hẹn đến tháng 3/2020 sẽ trả. Đến tháng 3/2020 thì bà **N** lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông **D** muốn nộp đơn ra cơ quan chức năng để giải quyết thì bà **N** thanh toán được 780.000.000 đồng (Ngày 06/5/2020 trả số tiền 500.000.000 đồng, ngày 28/5/2020 trả số tiền 200.000.000 đồng, sau ngày 29/5/2020 trả số tiền 80.000.000 đồng), số tiền còn nợ lại là 1.020.000.000 đồng.

Nay ông **Động Văn D** yêu cầu Tòa án buộc bà **Hoàng Thị Thanh N** thanh toán cho ông **Động Văn D** số tiền 1.181.451.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 181.451.000 đồng, cụ thể tính lãi như sau:

- Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 06/5/2020 là 35 ngày tính lãi của số tiền 1.800.000.000 đồng, với lãi suất 10%/ năm (0,0274%/ ngày) là 17.260.000 đồng;
  - Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 28/5/2020 là 21 ngày tính lãi của số tiền 1.300.000.000 đồng, với lãi suất 10%/ năm (0,0274%/ngày) là 7.479.000 đồng;
  - Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 22/12/2021 là 572 ngày tính lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm (0,0274%/ngày) là 156.712.000 đồng;
- Tổng cộng lãi 181.451.000 đồng.

Đối với số tiền gốc còn lại 20.000.000 đồng thì ông **D** cho bà **N**, không yêu cầu trả lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D có yêu cầu Toà án xem xét trách nhiệm liên đới của chồng bà N là ông Nguyễn Văn C, tuy nhiên nay ông D chỉ yêu cầu Toà án buộc cá nhân bà Hoàng Thị Thanh N trả nợ.

- Bị đơn bà Hoàng Thị Thanh N và người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày:

Vào tháng 6/2019 bà Hoàng Thị Thanh N có vay của ông Đông Văn D số tiền nhiều lần cộng lại là 2.400.000.000 đồng. Khi vay 2 bên không viết giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận lãi suất chỉ bằng miệng và bà N có trả lãi cho ông D, tuy nhiên không lưu lại chứng từ và bà N tự nguyện nên không có ý kiến gì về số tiền lãi này. Đến khoảng cuối năm 2019 bà N viết giấy cam kết còn nợ ông D số tiền 1.800.000.000 đồng, sau đó bà đã trả cho ông D 800.000.000 đồng có giấy xác nhận trả nợ như sau:

- Giấy nhận tiền của ông D ngày 06/5/2020 số tiền 500.000.000 đồng;
- Giấy nhận tiền của ông D ngày 28/5/2020 số tiền 200.000.000 đồng;
- Giấy nhận tiền của ông D ngày 06/6/2020 số tiền 40.000.000 đồng;
- Giấy nhận tiền của ông D ngày 14/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng.

Số tiền còn lại đã chuyển khoản cho ông D. bà N còn nợ lại 1.000.000.000 đồng.

Nay ông D khởi kiện thì bà N xác nhận còn nợ ông D số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, về phương thức trả nợ xin kéo dài thời gian trả nợ trong vòng 6 năm, từ ngày 01/01/2022 sẽ trả mỗi năm 166.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Về số tiền lãi như ông D yêu cầu thì bà N không đồng ý trả do hiện nay bà đã mất khả năng thanh toán.

Việc vay tiền là của cá nhân bà N, không liên quan đến chồng bà ông Nguyễn Văn C, số tiền này cũng không chi tiêu vì mục đích cho gia đình do đó bà N sẽ có trách nhiệm trả nợ, chồng bà ông Nguyễn Văn C không liên quan đến khoản nợ này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Động Văn D, buộc bà Hoàng Thị Thanh N phải trả cho ông Động Văn D số tiền 1.181.451.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Hoàng Thị Thanh N cư trú tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn là bà Hoàng Thị Thanh N và người đại diện theo uỷ quyền của bà N là ông Nguyễn Doãn Hồng, bà Nguyễn Thị Kim Dung, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào Giấy cam kết vay tiền, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Hoàng Thị Thanh N có vay tiền của ông Động Văn D nhiều lần, số tiền sau khi các bên chốt nợ sau cùng là 1.800.000.000 đồng, hợp đồng lập bằng văn bản, thời gian vay mặc dù

không có ghi trong giấy cam kết vay tiền tuy nhiên các bên đều thừa nhận thời gian viết giấy vay tiền là vào cuối năm 2019, ngày trả được ghi trong giấy vay tiền là tháng 3 năm 2020, không thỏa thuận lãi suất, do vậy là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ký kết hợp đồng vay là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Đối với khoản tiền gốc cho vay, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, các bên đều thừa nhận bên cho vay là ông Động Văn D đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay, từ khi đến hạn trả nợ là vào tháng 3/2020 cho đến nay bà Hoàng Thị Thanh N chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ, mới chỉ thanh toán được 780.000.000 đồng, do đó ông Động Văn D yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Thanh N thanh toán số tiền còn nợ lại 1.000.000.000đ đồng là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Điều 470 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Động Văn D đối với khoản tiền gốc cho vay.

[2.3]. Đối với khoản tiền lãi, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì đối với hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của bên vay, thì cần xác định bên vay phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể:

- Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 06/5/2020 là 35 ngày tính lãi của số tiền 1.800.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm (0,0274%/ngày) là 17.260.000 đồng;
  - Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 28/5/2020 là 21 ngày tính lãi của số tiền 1.300.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm (0,0274%/ngày) là 7.479.000 đồng;
  - Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 22/12/2021 là 572 ngày tính lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm (0,0274%/ngày) là 156.712.000 đồng;
- Tổng cộng lãi từ ngày 01/4/2020 đến ngày 22/12/2021 là 181.451.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Động Văn D, cần buộc bà Hoàng Thị Thanh N trả số tiền lãi 181.451.000 đồng

[2.4]. Về xác định người có nghĩa vụ trả nợ: Trong giấy cam kết vay tiền chỉ có bà Hoàng Thị Thanh N là người ký nhận nợ, bà N cũng khai tiền vay được bà

sử dụng vào mục đích riêng của cá nhân bà chứ không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và bà sẽ là người có trách nhiệm trả nợ, Toà án cũng đã đưa chồng bà N là ông Nguyễn Văn C vào tham gia tố tụng tuy nhiên ông vắng mặt không có ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Động Văn D yêu cầu xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Văn C trong việc trả nợ, tuy nhiên tại phiên toà ông Động Văn D chỉ yêu cầu Toà án buộc bà Hoàng Thị Thanh N là người thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử thấy cần buộc cá nhân bà N là người có trách nhiệm trả nợ cho ông D là phù hợp.

[2.5]. Về phương thức trả nợ: Bà Hoàng Thị Thanh N có nguyện vọng được trả dần nợ trong vòng 6 năm, từ ngày 01/01/2022 sẽ trả mỗi năm 166.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên ông Động Văn D không chấp nhận, do đó cần buộc bà Hoàng Thị Thanh N trả đủ toàn bộ số nợ trên một lần.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Hoàng Thị Thanh N phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả; Ông Động Văn D không chịu án phí, hoàn lại cho ông Động Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Động Văn D đối với bà Hoàng Thị Thanh N

Buộc bà Hoàng Thị Thanh N phải thanh toán cho ông Động Văn D số tiền 1.181.451.000đ (Một tỷ, một trăm tám mươi một triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) theo Giấy cam kết vay tiền, trong đó:

Tiền gốc là: 1.000.000.000 đồng

Tiền lãi là: 181.451.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Thanh N phải chịu 47.444.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ông Động Văn D không chịu án phí, hoàn trả cho ông Động Văn D số tiền tạm ứng án phí 25.106.415 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm mười lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0006848 ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**